

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HSST
Ngày 13 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hà.
2. Bà Trần Thị Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Giáp Thị Thu Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Quang Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2020/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T; sinh năm 1974 tại Ninh Bình; nơi ĐKNKTT và cư trú: Thôn 5, xã Tân Lâm, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Cao Liêm và bà Lê Thị Lợi; vợ là Hoàng Thị Phương Dung; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Đỗ Thị Thu H; sinh năm 1980; địa chỉ: Số NH 13, đường Nguyễn Thị Định, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn S; sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị Đuộm; sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

3. Chị Hoàng Thị Phương Dung; sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

4. Bà Đỗ Thị Suốt; sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện D, tỉnh L. Có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án.

5. Bà Phạm Thị Điệp; sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Cháu Phạm Thị Hương G; sinh năm 2008; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện D, tỉnh L. Có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Phạm Ngọc G; sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm C, Thôn A, xã D, huyện B, tỉnh L. Có đơn xin vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Tường L; sinh năm 1971; địa chỉ: đường Lê Văn T, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

4. Anh Lê Quang V; sinh năm 1999; địa chỉ: đường Trần Quốc T, Tổ H, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do anh Phạm Văn S bỏ nH đi lâu ngày không về nên vợ là Hoàng Thị Đ nghi ngờ anh S sống chung với chị Đỗ Thị Thu H. Ngày 17/11/2019 Đ hẹn anh S và chị H về thị trấn D để nói chuyện. Khoảng 18h ngày 17/11/2019 chị H đi cùng anh S đến thị trấn D gặp Đ cùng con gái là Phạm Thị Hương G (sinh năm 2008), sau đó cùng nhau đến quán ăn “P” thuộc Tổ H, thị trấn D. Khi đến quán “P” thì cháu G nhắn tin báo địa chỉ nơi Đ, anh S, chị H đang nói chuyện cho em dâu của anh S là Hoàng Thị Phương D, nhận được tin nhắn của cháu G thì D báo cho chồng mình và cũng là em ruột của anh S là Phạm Văn T biết.

Khoảng 19 giờ ngày 17/11/2019, Phạm Văn T điều khiển xe ô tô bán tải biển kiểm soát 49C – 207.16 chở vợ là D, Đỗ Thị S là em dâu anh S, Phạm Thị Đ là em gái anh S và 03 người đàn ông làm công cho S nhưng chưa rõ nhân thân lai lịch đến quán ăn “P”, mục đích để yêu cầu anh S về nH giải quyết việc gia đình. Khi đến quán “P”, T và những người đi cùng vào quán nơi S, H, Đ, G đang ngồi. Phạm Văn T chửi chị H và yêu cầu anh S về nH nhưng anh S không đồng ý. Vì vậy T nghĩ rằng đưa chị H về thì anh S sẽ về theo nên T nói với chị H “Mày đi

ra xe về nhà anh S nói chuyện” nhưng chị H cũng không đồng ý và nép sau lưng anh S. Lúc này một người đàn ông đi cùng nhóm của T đến ôm giữ người S, hai người đàn ông đi cùng nhóm của T cầm tay lái kéo chị H ra ngồi ở ghế sau xe ô tô của T và hai người này ngồi hai bên, trong lúc đó T nhấc 01 T gỗ dài khoảng 30cm đi phía sau chị H đe dọa, sau khi đưa được chị H lên xe ô tô thì T điều khiển xe chở chị H cùng ba người đàn ông đi cùng về nhà anh S tại Thôn B, xã T, D. Khi đó chủ quán là anh Lê Quang V chứng kiến sự việc và anh Nguyễn Tường L là khách của quán dùng điện thoại quay lại diễn biến sự việc.

Khi về đến nhà anh S vào khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày nhưng nhà khóa cửa, T để chị H ngồi trong xe còn T và 03 người đàn ông cùng đi xuống xe đứng xung quanh canh giữ. Khoảng 20 phút sau D, S, Đ về đến nơi nhưng không thấy anh S nên T cho chị H xuống xe để hai người đàn ông trong nhóm canh giữ, T điều khiển xe ô tô chở một người đàn ông trong nhóm quay lại thị trấn D đón anh S và Đ, còn người đàn ông đi cùng điều khiển xe mô tô của chị H cùng về nhà anh S. Khi mọi người về đến nơi, những người trong gia đình anh S cãi nhau với chị H về mối quan hệ giữa anh S và chị H, T chửi và định cầm ghế nhựa đánh chị H, Suốt dùng tay tát vào mặt H, Đ dùng kéo dài 10cm bằng kim loại, cán nhựa định cắt tóc của chị H và giằng lấy điện thoại di động của chị H làm điện thoại rơi xuống nền nhà. Đến khoảng 22h cùng ngày thì chị H không bị canh giữ nữa nên tự mình điều khiển xe mô tô đến trình báo cơ quan Công an. Quá trình sự việc xảy ra tại nhà anh S được chị vợ của T là Hoàng Thị Thu Hương dùng điện thoại di động ghi hình lại.

Quá trình điều tra đã trích xuất và thu giữ được 03 đoạn video clip ghi nhận diễn biến sự việc xảy ra tại quán P, 02 đoạn video clip ghi lại sự việc tại nhà anh S. Đồng thời thu giữ của Đ 01 chiếc kéo dài 10cm bằng kim loại cán bằng nhựa mà Đ dùng để định cắt tóc của chị H; thu giữ 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 49C – 207.16 qua xác minh của ông Đỗ Trung H cho T mượn nhưng không biết T sử dụng vào việc phạm tội nên đã trả lại xe cho ông H; thu giữ của chị H 01 áo khoác nỉ cùng một số tài sản bị hư hỏng trong quá trình giằng co là 01 điện thoại Nokia màu cam bị vỡ mặt kính, 01 quần Jean nữ màu xanh bị rách phần lai quần, 01 chiếc kính bị trầy xước gọng và rơi 01 bên mắt kính, định giá xác định tổng thiệt hại tài sản của chị H là 550.000 đồng và đã trả lại những tài sản này cho chị H. Bị cáo Phạm Văn T đã bồi thường thiệt hại vật chất, tinh thần cho chị H 30.000.000 đồng và chị H có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số: 36/CTr-VKS ngày 02/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh L đã truy tố Phạm Văn T về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Đối với những người đàn ông đã

có hành vi lôi kéo chị H lên xe và canh giữ chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên tách ra điều tra xử lý sau. Về việc chị H khai trong lúc bị lôi kéo, bắt giữ chị bị mất 40.000.000 đồng, quá trình điều tra không chứng minh được nên cơ quan tiến hành tố tụng không có căn cứ giải quyết.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa xác định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Đề nghị áp dụng Điều 36; Điều 50; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi tố tụng của Điều tra viên và của Cơ quan Điều tra Công an huyện Di Linh, Kiểm sát viên và của Viện kiểm sát nhân dân huyện D trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng bảo đảm cho các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều hợp pháp.

Bị hại chị Đỗ Thị Thu H không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn S, Hoàng Thị Phương D; người làm chứng cháu Phạm Thị Hương G, Phạm Ngọc G, Nguyễn Tường L, Lê Quang V vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy những người vắng mặt đều đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra, việc vắng mặt những người này không trở ngại cho việc xét xử. Cần áp dụng Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T thừa nhận bản thân đã thực hiện Hành vi như đã nêu tại bản cáo trạng, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Về phía những người liên quan, người làm

chứng cũng có lời khai phù hợp với nội dung sự việc như đã nêu trong bản cáo trạng. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của những người liên quan, người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Do nghi ngờ anh trai mình là Phạm Văn S bỏ vợ, con đi nhiều ngày không về là do ngoại tình với chị Đỗ Thị Thu H, nên T có ý định đứng ra giải quyết để anh S về chung sống với vợ, con. Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/11/2019, bị cáo Phạm Văn T cùng một số người đàn ông khác chưa rõ nhân thân, lai lịch đã dùng vũ lực bắt chị H từ quán ăn “P” thuộc Tổ 7, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng đưa lên xe ô tô do T điều khiển chở về nH của anh Phạm Văn S tại Thôn 3, xã T, huyện D, tỉnh L và canh giữ đến 22 giờ cùng ngày không cho chị H về. Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội bắt, giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt: Bị cáo Phạm Văn T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tHnh khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Phạm Văn T có cha là người có công với cách mạng được tặng huân chương kháng chiến hạng nhất. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo phạm tội nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, làm nghề nông có thu nhập thấp và không ổn định. Quá trình tố tụng bị cáo có thái độ thực sự ăn năn, hối cải nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ răn đe đối với bị cáo và phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm. Vì vậy, cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị H 30.000.000 đồng, nay chị H không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các vật chứng của vụ án là 01 áo khoác nỉ, 01 điện thoại Nokia, 01 quần Jean nữ, 01 chiếc kính đã trả cho chị H; 01 xe ô tô bán tải biển kiểm soát 49C – 207.16 đã trả cho ông Hậu nên không xem xét. Đối với 01 chiếc kéo dài 10cm bằng kim loại mà Đạm dùng để định cắt tóc của chị H cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Đối với một số người đàn ông đi cùng T có thực hiện hành vi liên quan nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên cơ quan tố tụng tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp. Đối với Đỗ Thị S có hành vi tạt chửi H đã bị Công an huyện Di Linh đã ban hành Quyết định số 49/QĐ-XP/KLBĐ ngày 13/5/2020 xử phạt Hnh chính là đúng pháp luật.

[6] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

Áp dụng Điều 36; Điều 50; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi Hnh án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh L giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thi Hnh hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu huỷ 01 chiếc kéo dài 10cm bằng kim loại, cán bọc nhựa (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa Công an huyện D và Chi cục thi hành án dân sự huyện D).

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ được kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Di Linh;
- Công an huyện Di Linh;
- Chi cục THADS huyện Di Linh;
- Các bị cáo;
- Bộ phận Thi Hình án hình sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Bùi Văn Sỹ**